

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5264 /UBND-KTN

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 10 năm 2023

V/v đăng ký mục tiêu,
nhiệm vụ phân đầu xây dựng
NTM năm 2024; đề xuất
điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ
phân đầu giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện nội dung Công văn số 7381/BNN-VPĐP ngày 16/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đăng ký mục tiêu, nhiệm vụ phân đầu xây dựng NTM năm 2024; rà soát đề xuất điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phân đầu giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo một số nội dung như sau:

1. Về kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến hết tháng 9/2023, ước thực hiện cả năm 2023; đăng ký mục tiêu, nhiệm vụ phân đầu xây dựng NTM năm 2024 (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Đề xuất điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phân đầu giai đoạn 2021-2025

a) Qua rà soát, đánh giá khả năng phân đầu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định 652/QĐ-TTg ngày 25/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở phù hợp với thực tiễn triển khai tại địa phương (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

b) Nguyên nhân, lý do ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu

Thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã tập trung tổ chức thực hiện và đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong triển thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tuy nhiên, để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được Thủ tướng giao cho tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2021-2025 vẫn còn một số khó khăn, cụ thể như:

- Trong giai đoạn 2021-2025, vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 482,830 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 1.215 tỷ đồng, gấp 2,51 lần vốn ngân sách trung ương (theo quy định ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 1,5 lần ngân sách trung ương). Như vậy, nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước đã ưu tiên rất lớn để thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, nhất là ngân sách tỉnh. Tuy nhiên, do các xã kế hoạch đạt chuẩn NTM đến năm 2025 phần lớn thuộc các xã đặc biệt khó khăn (24 xã), địa bàn rộng, mật độ dân cư thưa thớt và phân bố rải rác; do đó, rất khó khăn trong đầu tư

hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi,... Người dân chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nên việc huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình gặp khó khăn, chủ yếu dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ từ Nhà nước.

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới với 19 tiêu chí, 57 chỉ tiêu (tăng 8 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016-2020) yêu cầu đạt chuẩn ở mức độ cao hơn; một số tiêu chí khó đạt như: Tiêu chí số 5 về trường học, Tiêu chí số 10 thu nhập bình quân đầu người, Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều; chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi quy định ($\leq 24\%$ đối với xã đặc biệt khó khăn, $\leq 22\%$ đối với các xã còn lại); chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử,...

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 với 19 tiêu chí 75 chỉ tiêu; một số tiêu chí, chỉ tiêu có mức yêu cầu cao như: Tiêu chí số 15 về Hành chính công, trong đó: Chỉ tiêu 15.1 (Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính); chỉ tiêu 15.3 (Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp). Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật, trong đó: Chỉ tiêu 16.1 (Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận) và chỉ tiêu 16.2 (Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành). Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống, trong đó chỉ tiêu 18.1 (Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung),...

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN(tnh575).



Đặng Văn Minh

Phụ lục I:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023 VÀ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NĂM 2024
Tỉnh Quang Ngãi

(Kèm theo Công văn số 5264/UBND-KTN ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh)

TT	Đối tượng	ĐVT	Cập nhật đến hết 09/2023 (lũy kế)	Dự kiến thực hiện hết năm 2023 (lũy kế)	Dự kiến mục tiêu phấn đấu năm 2024 (lũy kế)
I	Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM	Cấp tỉnh			
II	Nông thôn mới cấp huyện				
1	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	Cấp huyện	2	3	4
2	Số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao	Huyện	0	0	0
3	Số huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Huyện	0	0	0
III	Nông thôn mới cấp xã				
1	Số xã đạt 19 tiêu chí NTM, trong đó:	Xã	69	77	82
1.1	Số xã đạt chuẩn NTM có QĐ công nhận của UBND cấp tỉnh	Xã	94	100	103
1.2	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	4	6	21
1.3	Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Xã	0	0	1
2	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí		23	19	17
3	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí		42	38	35
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí		14	14	14
IV	NTM cấp thôn, bản				
	Số đơn vị cấp thôn, bản thuộc xã ĐBKK khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn NTM (theo tiêu chí NTM do UBND tỉnh quy định)	Thôn, bản	0	19	46



Phụ lục II:
ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
Tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 5264/UBND-KTN ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh)

TT	Đối tượng	ĐVT	Mục tiêu, nhiệm vụ được giao ¹	Đề xuất điều chỉnh		Dự kiến sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
1	Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM	Cấp tỉnh				
2	Cấp huyện					
2.1	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	Cấp huyện	7		2	5
2.2	Số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao	Huyện	1	0	0	1
2.3	Số huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Huyện	0			
3	Cấp xã					
3.1	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM	%	81,1 (120 xã)		8,2 (12 xã)	72,9 (108 xã)
3.2	Tỷ lệ xã NTM nâng cao	%	43,3 (52 xã)		15,6 (22 xã)	27,7 (30 xã)
4.3	Tỷ lệ xã NTM kiểu mẫu	%	6,7 (08 xã)		2,1 (03 xã)	4,6 (05 xã)

¹ Tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023